

Bản án số: 34/2026/HS-ST
Ngày: 17 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Dân – Nghề nghiệp: Giáo viên

2. Ông Đặng Văn Thuận – Nghề nghiệp: Bác sỹ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 7- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2026/TLST-HS, ngày 11/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HS, ngày 06/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Đình T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/05/2008, tại xã K, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038208008385; (Theo danh, chỉ bản số 21, do Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 12/01/2026); Nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Bố đẻ: Bùi Đình C; Mẹ đẻ: Bùi Thị T; Vợ, con: chưa; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/11/2022, bị Công an huyện Thạch Thành xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, hình thức: Cảnh cáo; Bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 12/01/2026 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Việt Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/09/2007; tại xã T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038207012522 (Theo danh, chỉ bản số 82 do Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 26/01/2026); Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố đẻ: Phạm Văn Đ; Mẹ đẻ: Lê Thị H; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2026 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Đình Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/07/2008, tại xã T, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038208025227 (Theo danh, chỉ bản số 33, do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 13/01/2026); Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 11/12; Bố: Trần Đình T; Mẹ: Vũ Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:*

Bà Bùi Thị T; Sinh năm: 1976 (Mẹ của bị cáo)

Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ:*

Chị Vũ Thị H; Sinh năm: 1986 (Mẹ của bị cáo)

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo Đ:*

Ông Lê Ngọc H - Trợ giúp viên pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa - Chi nhánh số 2

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc nhận nhầm đối tượng mâu thuẫn, vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 27/9/2025, Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ, Bùi Xuân V đã có hành vi chửi bới, lừa dối, gây ồn ào, náo động khu dân cư tại cửa hàng xăng dầu T thuộc thôn 2, xã T và trước nhà văn hoá thôn 3, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Trong đó, Bùi Xuân V dùng chân đạp vào xe của Lê Duy A; Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ sử dụng tay, chân đánh nhau. Bùi Đình T sử dụng thắt lưng da đánh vào người của Nguyễn Duy M. Vụ việc gây náo loạn khu dân cư, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương. Sau khi sự việc xảy ra chính quyền địa phương và người dân sinh sống quanh khu vực hiện trường đã có báo cáo đến cơ quan điều tra về sự việc đánh nhau đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc, hiện trường được xác định là tại cửa hàng xăng dầu T thuộc thôn 2, xã T và nhà văn hoá thôn 3, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra đã thu thập và trích xuất dữ liệu Camera an ninh tại: Cây xăng T tại thời điểm xảy ra vụ việc; Nhà bà Đỗ Thị H sinh năm 1984 trú tại thôn 3, xã T; Nhà bà Lưu Thị Q sinh năm 1984 trú tại thôn 3, xã T ghi nhận tuyến đường di chuyển của nhóm đối tượng.

Tại Bản kết luận giám định số 4730/KL-KTHS ngày 10/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Không phát hiện dấu vết chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh trong các tệp video của mẫu vật gửi đến giám định.

- Trích xuất một số hình ảnh trong tệp video gửi giám định – Thể hiện trong phụ lục.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Lê Duy A ngày 28/9/2025 ghi nhận các vết thương: Mặt trong cẳng tay trái có các vết trầy xước da trong diện (7x4) cm; Tại vị trí khuỷu tay phải có vết xây xước da có kích thước (3x2) cm; Tại vị trí ngón trỏ tay phải có vết xây xước da có kích thước (0,5x0,5) cm.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Nguyễn Duy M ngày 28/9/2025 ghi nhận các vết thương: 01 (một) vết trầy xước không xác định tại vị trí sau gáy kích thước (3x1) cm; Tại mặt ngoài cẳng tay phải có vết trầy xước có kích thước (9x2)

cm (vết trầy xước không liên tục); 01 (một) vết thâm tại vị trí khối mi mắt trái có kích thước (01x01) cm; Tại vị trí đầu gối phải có vết trầy xước không liên tục có kích thước (3x3)cm; Tại vị trí mặt sau cánh tay trái có kích thước (4x3) cm; Tại vị trí mu bàn tay trái có vết sưng đỏ kích thước (6x3) cm; tại vị trí cánh tay phải có vết tấy đỏ kích thước (5x2)cm.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra, cơ chế hình thành thương tích đối với Lê Duy A và Nguyễn Duy M, kết quả:

Tại Bản kết luận giám định số 670/KLTTCT-PYTH ngày 08/12/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh Thanh Hoá, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Duy A tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định số 669/KLTTCT-PYTH ngày 18/12/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh Thanh Hoá, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy M tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm).

Đối với Trần Đình Đ, Phạm Việt Đ, Bùi Xuân V, Bùi Đình T tham gia đánh nhau, tuy nhiên qua xem xét dấu vết trên thể không có thương tích gì nên không tiến hành giám định thương tích.

Ngày 09/02/2026, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với hành vi của Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ là người thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi theo quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025 và Bùi Xuân V là người đủ 18 tuổi thành một vụ án hình sự khác để điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra, Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, hình ảnh trích xuất camera, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSKV7, ngày 10/3/2026, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) khu vực 7- Thanh Hóa đã truy tố Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS). Truy tố Bùi Đình T về tội ”Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 2, Điều 318 BLHS.

Phản tranh tụng phiên tòa Đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS; Điều 35; Điều 115; Điều 119; Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Bùi Đình T để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1, Điều 318; điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS; Điều 115; Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Phạm Việt Đ để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1, Điều 318; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS; Điều 35; Điều 115; Điều 118; Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Đình Đ để xử phạt bị cáo 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo phạt cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Các gia đình Phạm Việt Đ, Bùi Tuấn V, Phạm Văn Q, Trần Đình Đ, Bùi Xuân V, Lê Trung H, Trần Tuấn A đã bồi thường thiệt hại cho Lê Duy A tổng số tiền là 15.000.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Duy M tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Các bên không có yêu cầu, đề nghị khác về dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đại diện VKS không đề cập xử lý.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

*** Ý kiến của người bào chữa:** Ông Lê Ngọc H đã tranh luận, bào chữa cho các bị cáo: Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo T và Đ, xử các bị cáo mức hình phạt bằng hoặc thấp hơn mức hình phạt thấp nhất mà đại diện VKS đề nghị.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xuất phát từ việc nhận nhầm đối tượng mâu thuẫn, vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 27/9/2025, Bùi Đình T (khi phạm tội 17 tuổi 4 tháng 23 ngày), Phạm Việt Đ (khi phạm tội 17 tuổi 11 tháng 29 ngày), Trần Đình Đ (khi phạm tội 17 tuổi 2 tháng 16 ngày) và Bùi Xuân V đã có hành vi chửi bới, lừa dối, gây ồn ào, náo động khu dân cư tại cửa hàng xăng dầu T thuộc thôn 2, xã T và trước nhà văn hoá thôn 3, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Trong đó, Bùi Xuân V dùng chân đạp vào xe của Lê Duy A; Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ sử dụng tay, chân đánh nhau. Bùi Đình T sử dụng thắt lưng da đánh vào người của Nguyễn Duy M. Vụ việc gây náo loạn khu dân cư, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, làm mất an ninh trật tự của địa phương. Sau khi sự việc xảy ra chính quyền địa phương và người dân sinh sống quanh khu vực hiện trường đã có báo cáo đến cơ quan điều tra về sự việc đánh nhau gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 BLHS. Hành vi của bị cáo Bùi Đình T đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b, khoản 2 Điều 318 BLHS. Cáo trạng của Viện trưởng VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội

không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” vì vậy tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và gia đình các bị cáo Đ, Đ đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Lê Duy A, Nguyễn Duy M nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Đình Đ và Bùi Đình T có ông nội là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4]. Về tính chất của vụ án và hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng thực hiện. Trong đó, Bùi Xuân V là người chủ động dùng chân đạp vào đuôi xe của Lê Duy A để khởi đầu cho việc nhóm của mình đánh nhóm của Duy A nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, Bùi Đình T tích cực thực hiện Hành vi phạm tội nên có vai trò thứ hai, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ có vai trò ngang nhau và thứ ba trong vụ án. Tuy nhiên, Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án hình sự để xử lý Bùi Xuân V trong một vụ án khác.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của quán, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Bị cáo Bùi Đình T có nhân thân xấu, không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã đi khỏi địa phương nhằm trốn tránh trách nhiệm, mặc dù đã được gia đình thông báo, động viên nhưng vẫn không chấp hành giấy triệu tập của cơ quan điều tra, vì vậy cơ quan điều tra đã áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, để đảm bảo việc thi hành án cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng và cần áp dụng Điều 38 BLHS; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, bản thân các bị cáo đang còn đi học. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 BLHS, Điều 118 Luật tư pháp người chưa thành niên để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Không khấu trừ thu nhập của các bị cáo là phù hợp.

[5]. Các bị cáo Đ, Đ được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[6]. Việc các đối tượng đánh nhau gây thương tích cho Lê Duy A và Nguyễn Duy M có dấu hiệu của tội “Cố ý gây thương tích”. Hậu quả, Nguyễn Duy M bị thương tích 01% (một phần trăm), Lê Duy A bị thương tích 03% (ba phần trăm). Vào các ngày 10/12/2025 và ngày 20/12/2025, Lê Duy A và Nguyễn Duy M đã làm Đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người đã gây ra thương tích cho bản thân trong vụ án nêu trên và gửi đến Cơ quan điều tra. Do đó không xử lý các đối tượng về tội “Cố ý gây thương tích”. Cơ quan điều tra đã chuyển Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi

Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ về hành vi xâm phạm sức khỏe theo quy định pháp luật.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Các gia đình Phạm Việt Đ, Bùi Tuấn V, Phạm Văn Q, Trần Đình Đ, Bùi Xuân V, Lê Trung H, Trần Tuấn A đã bồi thường thiệt hại cho Lê Duy A tổng số tiền là 15.000.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Duy M tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Các bên không có yêu cầu, đề nghị khác về dân sự.

[8]. Về vật chứng: Đã xử lý trong giai đoạn điều tra nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS; Điều 35; Điều 115; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Bùi Đình T.

Áp dụng khoản 1, Điều 318; điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS; Điều 115; Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Phạm Việt Đ.

Áp dụng khoản 1, Điều 318; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 BLHS; Điều 35; Điều 115; Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Trần Đình Đ.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (Ngày 12/01/2026).

Xử phạt bị cáo Phạm Việt Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Đ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ bị cáo được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Không khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 125 BLTTHS: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Việt Đ và Trần Đình Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo Bùi Đình T, Phạm Việt Đ, Trần Đình Đ mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa. Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo Đô và bị cáo Đạt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cúc